TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ – ST
Ngày 20 – 8 - 2025
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học và ông Nguyễn Duy Thuần

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2025 và những lời khai trong quá trình làm việc, nguyên đơn Anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Nguyễn Hồng N đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/01/2021, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi). Khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở chung cùng gia đình nhà anh T, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau nhiều lần mâu thuẫn chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện Y, nay là xã N, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nên anh khởi kiện xin được ly hôn với Chị Nguyễn Hồng N.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 19/7/2021. Anh và chị N đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021, trước khi đăng ký kết

hôn, anh và chị N đã quan hệ với nhau dẫn đến chị N có thai trước, anh khẳng định cháu H là con chung của anh và chị N. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn Chị Nguyễn Hồng N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập chị N rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để chị N đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của anh T nhưng chị N không đến Tòa án làm việc.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị N, bà M khai: Năm 2021 gia đình bà tổ chức đám cưới cho Chị Nguyễn Hồng N kết hôn cùng anh Đỗ Ngọc T. Sau ngày cưới chị N về làm dâu tại gia đình nhà anh T ở xã T, huyện K, cuộc sống của anh T và chị N hòa thuận. Năm 2023, chị N về nhà bà và nói lại chị và anh T mâu thuẫn, chị không thể sống cùng anh T nữa và kể từ đó chị N sống cùng gia đình bà và vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Về con chung anh chị có một con chung là cháu Đỗ Việt H, sinh ngày 19/7/2021, hiện nay cháu H đang ở cùng anh T. Thời gian qua nhiều lần bà nhận được giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án triệu tập, thông báo cho chị N đến Tòa án để làm việc trình bày quan điểm về việc anh T xin ly hôn chị N, do chị N đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên những lần nhận giấy của Tòa án bà đều thông báo cho chị N được biết. Chị N có đến Tòa án làm việc hay không bà cũng không rõ lý do.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Phú Thọ cho biết: Chị Nguyễn Hồng N là người địa phương cư trú tại xã T, huyện Y, (nay là xã N, tỉnh Phú Thọ) kết hôn với Anh Đỗ Văn T ở xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum, (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi). Anh T và chị N làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập vào năm 2021. Sau khi kết hôn anh T và chị N sống tại quê nhà anh T, đến đầu năm 2023 thấy một mình chị N về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã N để ở cho đến nay. Do anh T, chị N không chung sống cùng nhau tại địa phương nên địa phương cũng không biết mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra như thế nào. Nay anh T xin ly hôn chị N, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ

lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; anh T đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Anh Đỗ Văn T được ly hôn Chị Nguyễn Hồng N; Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Việt H, sinh ngày 14/7/2021 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được gây khó khăn.

Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn Chị Nguyễn Hồng N và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị N đang cư trú tại Thôn 3, xã N, tỉnh Phú Thọ nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai; nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của anh T, bà M mẹ đẻ chị N, kết quả xác minh tại UBND xã N và các tài liệu chứng cứ thu thập được, thể hiện anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum, (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) ngày 19 tháng 01 năm 2021, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Tòa án anh T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với chị N không còn, việc đoàn tụ là không thể, do đó anh tha thiết đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Xét, cuộc sống chung giữa anh T và chị N không thể tiếp tục vì mâu thuẫn giữa anh, chị xảy ra đã lâu. Do đó cần giải quyết cho anh T và chị N, được ly hôn để anh, chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

3] Về nuôi con chung: Anh Đỗ Văn T và Chị Nguyễn Hồng N có 01 con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 19/7/2021. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù chị N được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không thể hiện ý trí, quan điểm gửi đến Tòa án về việc nuôi con. Xét, việc xin nuôi con

của anh T là hoàn toàn tự nguyện, thực tâm và đây cũng là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nên cần giao cháu Đỗ Việt H, sinh ngày 19/7/2021 cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T và có quyền nghĩa vụ thảm nom không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Anh T và chị N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn T được ly hôn Chị Nguyễn Hồng N.

Về nuôi con chung: Giao cho Anh Đỗ Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Việt H, sinh ngày 19/7/2021; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003666 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, (nay là Phòng Thị hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ); anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ ;
- UBND xã Nguyệt Đức;
- UBND xã Kon Braih;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Đồng Cương;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan